

**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành theo Quyết định số 111/QĐ-ĐHTM ngày 21/01/2022 của Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Quản trị Hệ thống thông tin (Định hướng nghề nghiệp)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Hệ thống thông tin quản lý
Mã ngành:	7340405
Chuyên ngành đào tạo:	Quản trị Hệ thống thông tin
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

**1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

- Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): **Quản trị Hệ thống thông tin**  
(Chương trình định hướng nghề nghiệp)
- Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): **Management Information Systems**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Hệ thống thông tin quản lý**. Mã ngành: **7340405**
- Chuyên ngành: **Quản trị Hệ thống thông tin**

**2. Mục tiêu của chương trình**

**2.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành hệ thống thông tin quản lý có khả năng phân tích, tư vấn, thiết kế, tổ chức và triển khai các giải pháp hệ thống thông tin để giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao trong quá trình chuyển đổi số và thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý định hướng nghề nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực để:

- Trở thành các chuyên gia phân tích nghiệp vụ các hệ thống thông tin phổ biến trong các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.
- Trở thành chuyên viên kiểm thử phần mềm và đảm bảo chất lượng phần mềm trong các dự án công nghệ thông tin
- Trở thành chuyên viên phân tích và thiết kế các ứng dụng Web
- Trở thành các chuyên viên lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và triển khai các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành theo Quyết định số 111/QĐ-ĐHTM ngày 21/01/2022 của Trường Đại học Thương mại)

<b>Chương trình đào tạo:</b>	<b>Quản trị Hệ thống thông tin</b> (Định hướng nghề nghiệp)
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Hệ thống thông tin quản lý</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>7340405</b>
<b>Chuyên ngành đào tạo:</b>	<b>Quản trị Hệ thống thông tin</b>
<b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>	<b>Tiếng Việt</b>

**1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

- Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): **Quản trị Hệ thống thông tin**  
(Chương trình định hướng nghề nghiệp)
- Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): **Management Information Systems**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Hệ thống thông tin quản lý**. Mã ngành: **7340405**
- Chuyên ngành: **Quản trị Hệ thống thông tin**

**2. Mục tiêu của chương trình**

**2.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành hệ thống thông tin quản lý có khả năng phân tích, tư vấn, thiết kế, tổ chức và triển khai các giải pháp hệ thống thông tin để giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao trong quá trình chuyển đổi số và thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý định hướng nghề nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực để:

- Trở thành các chuyên gia phân tích nghiệp vụ các hệ thống thông tin phổ biến trong các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.
- Trở thành chuyên viên kiểm thử phần mềm và đảm bảo chất lượng phần mềm trong các dự án công nghệ thông tin
- Trở thành chuyên viên phân tích và thiết kế các ứng dụng Web
- Trở thành các chuyên viên lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và triển khai các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành theo Quyết định số 111/QĐ-ĐHTM ngày 21/01/2022 của Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Quản trị Hệ thống thông tin (Định hướng nghề nghiệp)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Hệ thống thông tin quản lý
Mã ngành:	7340405
Chuyên ngành đào tạo:	Quản trị Hệ thống thông tin
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

**1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

- Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): **Quản trị Hệ thống thông tin**  
(Chương trình định hướng nghề nghiệp)
- Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): **Management Information Systems**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Hệ thống thông tin quản lý**. Mã ngành: **7340405**
- Chuyên ngành: **Quản trị Hệ thống thông tin**

**2. Mục tiêu của chương trình**

**2.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành hệ thống thông tin quản lý có khả năng phân tích, tư vấn, thiết kế, tổ chức và triển khai các giải pháp hệ thống thông tin để giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao trong quá trình chuyển đổi số và thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý định hướng nghề nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực để:

- Trở thành các chuyên gia phân tích nghiệp vụ các hệ thống thông tin phổ biến trong các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.
- Trở thành chuyên viên kiểm thử phần mềm và đảm bảo chất lượng phần mềm trong các dự án công nghệ thông tin
- Trở thành chuyên viên phân tích và thiết kế các ứng dụng Web
- Trở thành các chuyên viên lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và triển khai các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

- Có khả năng giảng dạy, đào tạo tại các Viện, trường, các cơ sở đào tạo về Hệ thống thông tin quản lý;

### **3. Yêu cầu về kiến thức**

(PLO1): Nắm bắt các kiến thức nguyên lý, quy luật, lý luận và thực tiễn của tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị Việt Nam và thế giới.

(PLO2): Am hiểu các nguồn lực và quy trình nghiệp vụ của các hệ thống thông tin phổ biến trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

(PLO3): Vận dụng kiến thức về khảo sát, phân tích, thiết kế và quản trị dự án để mô hình hóa các yêu cầu của dự án công nghệ thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

(PLO4): Vận dụng kiến thức kiểm thử phần mềm trong quy trình xây dựng và phát triển hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

(PLO5): Ứng dụng kiến thức về quy trình, phương pháp để tổ chức, triển khai và vận hành các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

(PLO6): Phân tích và vận dụng sáng tạo kiến thức thiết kế, triển khai ứng dụng Web trong hoạt động kinh doanh và quản lý tại các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

### **4. Yêu cầu về kỹ năng**

(PLO7): Có kỹ năng thực hiện khảo sát, phân tích, viết tài liệu và mô hình hóa yêu cầu cho các dự án công nghệ thông tin bằng các công cụ tiên tiến;

(PLO8): Sử dụng thành thạo các công cụ hiện đại để phân tích, xây dựng và thực hiện kiểm thử trong quy trình xây dựng và triển khai hệ thống thông tin

(PLO9): Có thể xây dựng quy trình, tổ chức thực hiện và giám sát quá trình thiết kế và triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong các hệ thống thông tin.

(PLO10): Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng truyền thông, khả năng thuyết trình;

(PLO11): Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc thay đổi;

### **5. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

(PLO12): Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Có tư tưởng vững vàng, tôn trọng Pháp luật và có đạo đức nghề nghiệp;

(PLO13): Có năng lực tự học tập, tự nghiên cứu, tự nâng cao trình độ suốt đời; Có thái độ tích cực, tư duy sáng tạo, ý thức đổi mới và vượt khó vươn lên trong công việc.

### **6. Yêu cầu về ngoại ngữ**

(PLO14): Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của

Trường Đại học Thương mại.

### **7. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành Hệ thống thông tin quản lý, chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin định hướng nghề nghiệp của Trường Đại học Thương mại có thể làm việc tại các vị trí và bộ phận sau:

#### **7.1. Cơ hội làm việc phù hợp và tốt ở các vị trí sau của doanh nghiệp:**

- Phân tích viên phần mềm;
- Viết tài liệu và quy trình nghiệp vụ trong dự án công nghệ thông tin;
- Phân tích quy trình nghiệp vụ;
- Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin;
- Khảo sát, phân tích yêu cầu dự án;
- Quản trị dự án công nghệ thông tin
- Kiểm thử phần mềm;
- Đảm bảo chất lượng phần mềm;
- Kiểm soát quy trình phần mềm;
- Triển khai hệ thống thông tin;
- Tư vấn triển khai hệ thống thông tin
- Thiết kế và triển khai ứng dụng Web
- Quản trị cơ sở dữ liệu; Quản trị website của doanh nghiệp;

#### **7.2. Các loại hình tổ chức và doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp:**

- Các bộ phận của doanh nghiệp xây dựng, phát triển, triển khai và cung cấp giải pháp phần mềm, các dự án công nghệ thông tin;

- Bộ phận quản trị thông tin, hệ thống thông tin; bộ phận marketing điện tử của các doanh nghiệp thương mại điện tử; các tổ chức kinh tế và cơ quan Nhà nước.

- Làm việc chính ở các phòng quản lý công nghệ thông tin và thương mại điện tử của các Sở Công Thương hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện; các bộ phận chức năng của Cục thương mại điện tử và công nghệ thông tin, Bộ Công Thương, Cục hoặc Trung tâm thông tin của các Bộ, ngành;

- Các tổ chức nghiên cứu, giảng dạy Công nghệ thông tin, hệ thống thông tin kinh tế và quản lý tại các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp thuộc khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh.

### **8. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Với nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý, chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin định hướng nghề nghiệp có thể tự nghiên cứu, học tập bổ sung các kiến thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp

ứng với yêu cầu của vị trí công tác. Ngoài ra sinh viên có khả năng tiếp tục theo học chương trình đào tạo sau đại học các chuyên ngành: Hệ thống thông tin, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính, Ngân hàng, Quản lý kinh tế trong và ngoài nước.

## 9. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo

### 9.1. Trong nước

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia”.

- Các CTĐT, CDR tham khảo từ các Trường Đại học trong nước

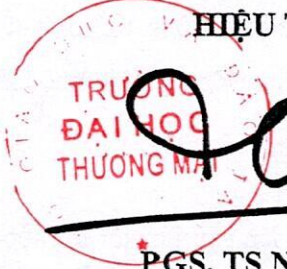
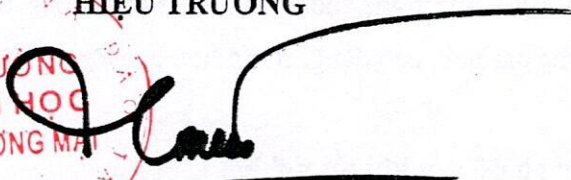
TT	Tên chương trình – Trường	Địa chỉ website tham chiếu
1	Ngành Hệ thống thông tin quản lý – Đại học Kinh tế quốc dân	<a href="https://sitde.neu.edu.vn/vi/dao-cao-tuyen-sinh/nganh-he-thong-thong-tin-quan-ly">https://sitde.neu.edu.vn/vi/dao-cao-tuyen-sinh/nganh-he-thong-thong-tin-quan-ly</a>
2	Ngành Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin) – Đại học Đà Nẵng	<a href="http://due.udn.vn/vi-vn/khoa/thong-ke-tin-hoc/gioi-thieu/cid/1710">http://due.udn.vn/vi-vn/khoa/thong-ke-tin-hoc/gioi-thieu/cid/1710</a>
3	Ngành Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Hệ thống thông tin kinh doanh) – Đại học Kinh tế TP.HCM	<a href="https://bit.uvh.edu.vn/chuyen-nganh-he-thong-thong-tin-kinh-doanh/">https://bit.uvh.edu.vn/chuyen-nganh-he-thong-thong-tin-kinh-doanh/</a>

### 9.2. Ngoài nước

Các CTĐT, CDR tham khảo từ các Trường Đại học quốc tế

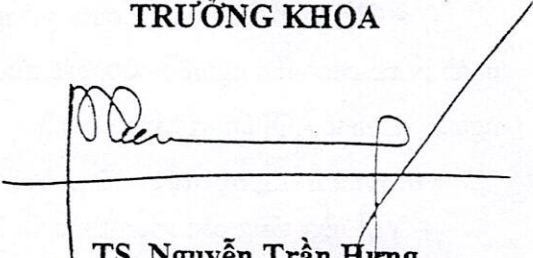
TT	Tên chương trình – Trường	Địa chỉ website tham chiếu
1	Information Systems and Management - University of London	<a href="http://www.bbk.ac.uk/study/2021/undergraduate/programmes/UBSIYMNG_C/">http://www.bbk.ac.uk/study/2021/undergraduate/programmes/UBSIYMNG_C/</a>
2	Management Information Systems - Terry College of Business, University of Georgia	<a href="http://www.terry.uga.edu/courses/MIST/?term=now">http://www.terry.uga.edu/courses/MIST/?term=now</a>
3	Business Information Systems - Swinburn university	<a href="http://www.swinburne.edu.au/study/course/international/bachelor-of-business-information-systems/">http://www.swinburne.edu.au/study/course/international/bachelor-of-business-information-systems/</a>
4	Business Information Systems - University of Westminster	<a href="https://www.westminster.ac.uk/_data/assets/pdf_file/0005/175532/ECS-BSc-Hons-Business-Information-Systems-201213v1.pdf">https://www.westminster.ac.uk/_data/assets/pdf_file/0005/175532/ECS-BSc-Hons-Business-Information-Systems-201213v1.pdf</a>
5	Management Information Systems - Arizona University	<a href="http://ugrad.eller.arizona.edu/academics/majors/mis/4yearplan.asp">http://ugrad.eller.arizona.edu/academics/majors/mis/4yearplan.asp</a>

HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Trần Hưng

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành theo MM./QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 01 năm 2022  
của Trường Đại học Thương mại)

<b>Chương trình đào tạo:</b>	<b>Quản trị Hệ thống thông tin (Định hướng nghề nghiệp)</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Hệ thống thông tin quản lý</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>7340405</b>
<b>Chuyên ngành đào tạo:</b>	<b>Quản trị Hệ thống thông tin</b>
<b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>	<b>Tiếng Việt</b>

**1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

**1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành hệ thống thông tin quản lý có khả năng phân tích, tư vấn, thiết kế, tổ chức và triển khai các giải pháp hệ thống thông tin để giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao trong quá trình chuyển đổi số và thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý định hướng nghề nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực để:

- Trở thành các chuyên gia phân tích nghiệp vụ các hệ thống thông tin phổ biến trong các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.
- Trở thành chuyên viên kiểm thử phần mềm và đảm bảo chất lượng phần mềm trong các dự án công nghệ thông tin
- Trở thành chuyên viên phân tích và thiết kế các ứng dụng Web
- Trở thành các chuyên viên lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và triển khai các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.
- Có khả năng giảng dạy, đào tạo tại các Viện, trường, các cơ sở đào tạo về Hệ thống thông tin quản lý;

**2. CHUẨN ĐẦU RA**

**2.1. Kiến thức**

(PLO1): Nắm bắt các kiến thức nguyên lý, quy luật, lý luận và thực tiễn của tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị Việt Nam và thế giới.

(PLO2): Am hiểu các nguồn lực và quy trình nghiệp vụ của các hệ thống thông tin phổ biến trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

(PLO3): Vận dụng kiến thức về khảo sát, phân tích, thiết kế và quản trị dự án để mô hình hóa các yêu cầu của dự án công nghệ thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

(PLO4): Vận dụng kiến thức kiểm thử phần mềm trong quy trình xây dựng và phát triển hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

(PLO5): Ứng dụng kiến thức về quy trình, phương pháp để tổ chức, triển khai và vận hành các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

(PLO6): Phân tích và vận dụng sáng tạo kiến thức thiết kế, triển khai ứng dụng Web trong hoạt động kinh doanh và quản lý tại các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

## **2.2. Kỹ năng**

(PLO7): Có kỹ năng thực hiện khảo sát, phân tích, viết tài liệu và mô hình hóa yêu cầu cho các dự án công nghệ thông tin bằng các công cụ tiên tiến;

(PLO8): Sử dụng thành thạo các công cụ hiện đại để phân tích, xây dựng và thực hiện kiểm thử trong quy trình xây dựng và triển khai hệ thống thông tin

(PLO9): Có thể xây dựng quy trình, tổ chức thực hiện và giám sát quá trình thiết kế và triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong các hệ thống thông tin.

(PLO10): Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng truyền thông, khả năng thuyết trình;

(PLO11): Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc thay đổi;

## **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

(PLO12): Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Có tư tưởng vững vàng, tôn trọng Pháp luật và có đạo đức nghề nghiệp;

(PLO13): Có năng lực tự học tập, tự nghiên cứu, tự nâng cao trình độ suốt đời; Có thái độ tích cực, tư duy sáng tạo, ý thức đổi mới và vượt khó vươn lên trong công việc.

## **2.4. Ngoại ngữ và Tin học**

(PLO14): Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại.

- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn



- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 1436/QĐ-ĐHTM ngày 4/12/2020 của Trường Đại học Thương mại.

### **3. KHỐI KIẾN THỨC TOÀN KHÓA**

**Khối lượng kiến thức toàn khoá** (tính bằng tín chỉ): **131 TC**. Trong đó, **120 TC** học tập và tốt nghiệp và **11 TC** Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh

### **4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

#### **5.1. Quy trình đào tạo**

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

**Bước 1.** Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

**Bước 2.** Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trường Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

**Bước 3.** Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

**Bước 4.** Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

**Bước 5.** Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên

## 5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

## 6. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

## 7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 7.1. Khung chương trình đào tạo

STT	KHỐI KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN	SỐ TC	CẤU TRÚC (LT, TH/TL, BCTT)
1	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>37</b>	
1.1	<b>Giáo dục đại cương</b>	<b>26</b>	
1.1.1	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>24</b>	
1	Triết học Mác – Lênin	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	24,12
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	24,12
6	Pháp luật đại cương	2	24,12
7	Tiếng Anh 1	2	24,12
8	Tiếng Anh 2	2	24,12
9	Tiếng Anh 3	2	24,12
10	Toán đại cương	3	36,18

11	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24,12
<b>1.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>2</b>	
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>		
1	Xã hội học đại cương	2	24,12
2	Kinh tế thương mại đại cương	2	24,12
3	Kinh tế môi trường	2	24,12
<b>1.2</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>3</b>	
<b>1.2.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>1</b>	
	Giáo dục thể chất chung	1	
<b>1.2.2</b>	<b>Học phần tự chọn</b>	<b>2</b>	
	<i>Chọn 2TC trong số các HP sau:</i>		
1	Bóng ném	1	
2	Bóng chuyên	1	
3	Cầu lông	1	
4	Bóng bàn	1	
5	Cờ vua	1	
6	Bóng rổ	1	
<b>1.3.</b>	<b>Giáo dục quốc phòng - an ninh</b>	<b>8</b>	
<b>2</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>94</b>	
<b>2.1.</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>29</b>	
<b>2.1.1.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>24</b>	
1	Kinh tế học	3	36,18
2	Thương mại điện tử căn bản	3	36,18
3	Quản trị học	3	36,18
4	Cơ sở toán học cho tin học	3	36,18
5	Lập trình Python	3	36,18
6	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	24,12
7	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	24,12
8	Mạng máy tính và truyền thông	2	24,12
9	Hệ thống thông tin quản lý	3	36,18
<b>2.1.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>5</b>	
	<i>Chọn 5 TC trong các HP sau:</i>		
1.1	Lập trình hướng đối tượng	2	24,12
1.2	Kỹ thuật sử dụng SQL Server	2	0,60
1.3	Văn hóa kinh doanh	2	24,12
2.1	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	36,18
2.2	Quản trị tài chính 1	3	36,18
2.3	Quản trị Thương mại điện tử 1	3	36,18
<b>2.2.</b>	<b>Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)</b>	<b>45</b>	
<b>2.2.1.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>37</b>	
1	Phân tích nghiệp vụ phần mềm	3	36,18
2	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	36,18
3	Các Hệ thống thông tin phổ biến trong doanh nghiệp	3	36,18
4	Quản trị dự án Công nghệ thông tin	3	36,18
5	Kiểm thử phần mềm	3	36,18
6	Thiết kế và triển khai ứng dụng Web	3	36,18
7	Thực hành thiết kế và triển khai ứng dụng Web với PHP*	3	0,90
8	Quản trị Cơ sở dữ liệu	3	36,18
9	Hành vi khách hàng	3	36,18
10	Đảm bảo chất lượng phần mềm *	3	0,90

11	Truyền thông kinh doanh	2	24,12
12	Khai phá dữ liệu trong kinh doanh	2	24,12
13	Đồ họa ứng dụng *	3	0,90
<b>2.2.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>8</b>	
	<i>Chọn 8 TC thuộc 1 trong 3 nhóm sau:</i>		
	<i>Nhóm cho thiết kế và triển khai</i>		
Nhóm 1	Chuyên đổi số trong doanh nghiệp	2	24,12
	Thực hành quản trị cơ sở dữ liệu*	3	0,90
	Triển khai Hệ thống thông tin *	3	0,90
	<i>Nhóm cho Tester</i>		
Nhóm 2	Thực hành kiểm thử phần mềm thủ công* (Manual Test)	2	0,60
	Thực hành kiểm thử phần mềm tự động* (Auto Test)	3	0,90
	An toàn bảo mật thông tin	3	36,18
	<i>Nhóm cho BA</i>		
Nhóm 3	Thực hành các công cụ quản trị dự án *	2	0,60
	Thực hành thiết kế mô phỏng hệ thống với Axure*	3	0,90
	Các công cụ trực quan hóa dữ liệu *	3	0,90
<b>2.3.</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>	<b>10</b>	
<b>2.3.1.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>5</b>	
1	Nguyên lý kế toán	3	36,18
2	Khởi sự kinh doanh	2	24,12
<b>2.3.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>5</b>	
	<i>Chọn 5 TC trong các HP sau:</i>		
1	Chính phủ điện tử	2	24,12
2	Quản trị hành chính văn phòng	2	24,12
3	Quản trị rủi ro	2	24,12
4	Quản trị chiến lược	3	36,18
5	Thanh toán điện tử	3	36,18
6	Quản trị thương hiệu 1	3	36,18
7	Quản trị nhân lực căn bản	3	36,18
<b>2.4</b>	<b>Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học</b>	<b>10</b>	
1	Báo cáo thực tập nghề nghiệp	3	0,90
2	Khóa luận tốt nghiệp	7	0,210

## 7.2. Mô tả các học phần

Mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo

(Không tính 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh)

### 7.2.1. Các học phần bắt buộc (90TC)

#### I. CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC KHÓI ĐẠI CƯƠNG

##### 1, Triết học Mác – Lênin [MLNP0221] (3 tín chỉ)

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái

## **2, Chủ nghĩa xã hội khoa học [HCM10121] (2 tín chỉ)**

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước.

## **3, Tư tưởng Hồ Chí Minh [HCM10111] (2 tín chỉ)**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ chương 2 đến chương 6, học phần giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

## **4, Kinh tế chính trị Mác – Lênin [RLCP1211] (2 tín chỉ)**

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa, đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Học phần giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Học phần định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam và gợi ý cho sinh viên cách thức vận dụng vào học tập, nghiên cứu.

## **5, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam [HCM10131] (2 tín chỉ)**

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

## **6, Pháp luật đại cương [TLAW0111] (2 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc điểm của nhà nước và pháp luật, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử, mối liên hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội, hình thức tồn tại và sự vận hành của pháp luật trong đời sống xã hội. Học phần cũng tập trung nghiên cứu các nội dung pháp lý cơ bản của Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính và pháp luật về phòng chống tham nhũng.

## **7, Tiếng Anh 1 [ENTH3011] (2 tín chỉ)**

Học phần Tiếng Anh 1 gồm 2 chương được chia thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến cuộc sống hằng ngày và chuyên ngành thương mại. Chương 1 đề cập đến vấn đề sống và làm việc tại nước ngoài và chương 2 cung cấp kiến thức về dịch vụ khách hàng. Nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng tiếng Anh, các bài học còn cung cấp những từ vựng liên quan và củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về thời hiện tại đơn, giới từ, danh từ đếm được và không đếm được, lời yêu cầu và đề nghị. Bên cạnh đó, học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết khiếu nại của khách hàng qua điện thoại, kỹ năng viết và trả lời thư điện tử trong tình huống trang trọng cũng như thân mật.

## **8, Tiếng Anh 2 [ENTH3111] (2 tín chỉ)**

Học phần Tiếng Anh 2 gồm 2 chương được chia thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến chuyên ngành thương mại. Chương 1 đề cập đến các phương thức hoạt động của công ty và chương 2 cung cấp thông tin về những doanh nhân thành công. Nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng tiếng Anh, các bài học còn cung cấp những từ vựng liên quan và củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về thời hiện tại tiếp diễn, trạng từ, bị động ở thời hiện tại đơn, quá khứ đơn và quá khứ hoàn thành. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố và phát triển kỹ năng thuyết trình và kỹ năng học tập theo nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ được giao.

## **9, Tiếng Anh 3 [ENTH5611] (2 tín chỉ)**

Học phần Tiếng Anh 3 gồm 2 chương được chia nhỏ thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến chuyên ngành thương mại. Chương I cung cấp các kiến thức liên quan đến bán hàng và chương II tập trung vào chủ đề về công ty. Ngoài ra, học phần này cũng giúp tăng cường củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về so sánh hơn, so sánh nhất, đặt câu hỏi và câu gián tiếp. Trong suốt 12 bài học, sinh viên có cơ hội được rèn luyện củng cố kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán, kỹ năng lắng nghe và ngắt lời trong cuộc họp, và đặc biệt được làm quen với các văn bản cần thiết trong các cuộc họp như chương trình

## **10, Toán đại cương [AMAT1011] (3 tín chỉ)**

Học phần Toán đại cương cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính (véc tơ n-chiều và không gian tuyến tính, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, dạng toàn

phương) và về phần đầu của Toán Giải tích (số thực, hàm số một biến số, giới hạn, đạo hàm và vi phân).

### **11, Phương pháp nghiên cứu khoa học [SCRE0111] (2 tín chỉ)**

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

## **II. CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC KHỐI CƠ SỞ NGÀNH**

### **12, Kinh tế học [MIEC0111] (3 tín chỉ)**

Học phần Kinh tế học là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

### **13, Thương mại điện tử căn bản [PCOM0111] (3 tín chỉ)**

Học phần TMĐT căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành HTTTQL. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của TMĐT trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của TMĐT.

### **14, Quản trị học [BMGM0111] (3 tín chỉ)**

Học phần Quản trị học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản như: khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị; quản trị sự thay đổi; quản trị xung đột của tổ chức; các nội dung về vai trò, kỹ năng cần thiết của nhà quản trị; thông tin và ra quyết định quản trị; phân tích sâu các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát).

### **15, Cơ sở toán học cho tin học [ECIT2321] (3 tín chỉ)**

Học phần Cơ sở toán học cho tin học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên

ngành nhằm cung cấp kỹ năng cơ bản về nguyên tắc hoạt động và cơ chế lưu trữ của hệ thống máy tính điện tử. Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, làm tiền đề cho các học phần ở khối kiến thức ngành của sinh viên. Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất của thuật toán, bao gồm xác định độ phức tạp về thời gian của thuật toán, cài đặt thuật toán và các nguyên lý cơ bản nhất của lý thuyết tổ hợp. Ngoài ra, học phần cũng trình bày về lý thuyết đồ thị, lý thuyết otomat và các ứng dụng. Cuối cùng, giới thiệu một số bài toán tối ưu trên đồ thị và một số bài toán tối ưu được giải bằng cách ứng dụng lý thuyết đồ thị. Các bài toán này được cài đặt bằng ngôn ngữ lập trình trên máy tính.

#### **16, Lập trình với Python [INFO0621] (3 tín chỉ)**

Học phần Cơ sở lập trình là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành CNTT. Nội dung học phần bao gồm: Thuật toán, sơ đồ khối, chương trình và ngôn ngữ lập trình, các phương pháp lập trình và kỹ thuật thiết kế chương trình; Các yếu tố cơ bản trong lập trình; cách tổ chức chương trình và các cấu trúc lệnh cơ bản; mảng, xâu, con trỏ, hàm và kiểu dữ liệu có cấu trúc. Ngôn ngữ lập trình Python sẽ được sử dụng để làm phương tiện để trình bày.

#### **17, Tiếng Anh chuyên ngành 1 [ENTI1011] (2 tín chỉ)**

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

#### **18, Tiếng Anh chuyên ngành 2 [ENTI1012] (2 tín chỉ)**

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 2 là sự tiếp nối học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

#### **19, Mạng máy tính và truyền thông [ECIT2421] (2 tín chỉ)**

Học phần Mạng máy tính và truyền thông trình bày tổng quan về mạng máy tính: Quá trình ra đời và sự phát triển của mạng máy tính. Ứng dụng của mạng máy tính trong cuộc sống nói chung và trong hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp nói riêng. Tiếp đó, trình bày các kiến thức



về mạng máy tính, mô hình OSI, giao thức TCP/IP, các kiến thức về mạng LAN, mạng Internet cũng như cách thức lựa chọn cấu hình và giao thức mạng phù hợp cho tổ chức doanh nghiệp. Cuối cùng, học phần hướng dẫn phương thức truyền thông tin an toàn khi sử dụng mạng máy tính trong tổ chức doanh nghiệp.

### **20, Hệ thống thông tin quản lý [eCIT0311] (3 tín chỉ)**

Học phần Hệ thống thông tin quản lý thuộc khối kiến thức chuyên ngành cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin quản lý. Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cũng giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng, quản trị hệ thống thông tin của tổ chức. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức, doanh nghiệp.

## **III. CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**

### **21, Phân tích nghiệp vụ phần mềm [HP mới] (3 tín chỉ)**

Học phần Phân tích nghiệp vụ phần mềm là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp các phương pháp và kỹ năng thu thập, khảo sát, phân tích để mô hình hóa các yêu cầu trong các dự án công nghệ thông tin cho các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước. Học phần trình bày các kiến thức chuyên sâu về phương pháp khảo sát, cách thức thu thập yêu cầu, phân tích yêu cầu và các nghiệp vụ của dự án công nghệ thông tin. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kỹ năng mô hình hóa các yêu cầu của dự án bằng công cụ phân tích nghiệp vụ hiện đại.

### **22, Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin [INFO18211] (3 tín chỉ)**

Học phần Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng xây dựng, tổ chức và phát triển hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp. Học phần trình bày các kiến thức chuyên sâu về phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, những nguyên tắc cơ bản trong phân tích, thiết kế hệ thống thông tin, các khía cạnh và các hướng tiếp cận trong phân tích, thiết kế hệ thống thông tin, ưu điểm của hướng tiếp cận theo hướng đối tượng. Trình bày phương pháp phân tích, thiết kế hướng đối tượng bằng UML và công cụ hỗ trợ phân tích thiết kế hệ thống thông tin.

### **23, Các HTTT phổ biến trong doanh nghiệp [HP mới] (3 tín chỉ)**

Học phần Các hệ thống thông tin phổ biến trong doanh nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp các nghiệp vụ cơ bản của các hệ thống thông tin phổ biến trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước. Bao gồm nghiệp vụ trong các hệ thống

thông tin theo quy mô tích hợp như ERP, CRM, SCM, ... nghiệp vụ trong các hệ thống thông tin theo thông tin đầu ra như hệ thống thông tin kế toán, nhân sự, bán hàng, marketing, ... nghiệp vụ trong một số hệ thống thông tin theo mức độ quản lý như hệ hỗ trợ ra quyết định, hệ chuyên gia, hệ thống dự báo, ...

#### **24, Quản trị dự án Công nghệ thông tin [HP mới] (3 tín chỉ)**

Học phần Quản trị dự án Công nghệ thông tin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp các nghiệp vụ về quản trị dự án công nghệ thông tin trong quá trình thiết kế, xây dựng, triển khai và vận hành hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước. Học phần cung cấp các nội dung về đặc trưng, các khía cạnh trong một dự án công nghệ thông tin, các nội dung cơ bản của dự án công nghệ thông tin, vai trò và những phẩm chất cần có của người quản trị dự án, các mục đích, căn cứ, yêu cầu và quy trình lập dự án công nghệ thông tin; Thẩm định dự án và quyết định đầu tư, phân tích và lập dự án công nghệ thông tin theo các nội dung: Lựa chọn kỹ thuật, dự trù tài chính, lựa chọn hình thức tổ chức; Quản trị thời gian và tiến độ dự án, phân bổ các nguồn lực, quản lý chi phí và quản trị rủi ro dự án công nghệ thông tin.

#### **25, Kiểm thử phần mềm [ECIT3021] (3 tín chỉ)**

Học phần Kiểm thử phần mềm là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Sinh viên cần học Cơ sở lập trình trước khi học học phần này. Đây là học phần thực hành nhằm cung cấp các kỹ năng về kiểm thử phần mềm. Bao gồm trình bày về quy trình kiểm thử phần mềm, các yếu tố khi kiểm thử phần mềm, các mô hình và CASE kiểm thử, các kỹ năng đọc bản đặc tả hệ thống trong kiểm thử giao diện (Test giao diện đồ họa) và kiểm thử chức năng (Test chức năng). Cách viết tài liệu kiểm thử và các bước đánh giá kiểm thử hệ thống trong các dự án phần mềm.

#### **26, Thiết kế và triển khai ứng dụng Web [HP mới] (3 tín chỉ)**

Học phần Thiết kế và triển khai website cung cấp các kiến thức tổng quát về cách thức thiết kế và triển khai một website cho một doanh nghiệp. Đầu tiên, học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Internet, world wide web, giao thức HTTP, giao thức FTP, ngôn ngữ đánh dấu HTML, ... và một số ngôn ngữ, công cụ sử dụng trong thiết kế và xây dựng website. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp một số công cụ sử dụng trong thiết kế đồ họa và giao diện cho website. Cuối cùng, học phần trình bày qui trình chung và chi tiết các bước để triển khai một website cho doanh nghiệp.

#### **27, Thực hành thiết kế và triển khai ứng dụng Web với PHP\* [HP mới] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng hợp về lập trình ứng dụng Web, các thao tác kết nối và làm việc với cơ sở dữ liệu, kỹ năng phân tích thiết kế ứng dụng Web bao gồm thiết kế giao diện, thiết kế chương trình, thiết kế cơ sở dữ liệu. Cung cấp cho người học các quy

trình và cách thức tổ chức và triển khai một ứng dụng Web trên nền tảng Internet. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học cách thức tiếp cận môi trường phát triển các ứng dụng web trên nền tảng PHP để xây dựng một ứng dụng web cụ thể cho các hệ thống thông tin của doanh nghiệp, tổ chức, các công ty, các trường học...

### **28, Quản trị cơ sở dữ liệu [ECIT2521] (3 tín chỉ)**

Học phần Quản trị cơ sở dữ liệu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Sinh viên cần phải học trước học phần cơ sở dữ liệu (CSDL) trước khi học học phần này. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về quản trị CSDL ứng dụng trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Bao gồm các kỹ năng tổ chức, xây dựng, quản lý, khai thác CSDL dựa trên các chức năng mà hệ quản trị CSDL cung cấp. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kỹ năng như đồng bộ dữ liệu, phân quyền người dùng, sao lưu dự phòng và đảm bảo an toàn CSDL một cách hiệu quả. Học phần sẽ giúp sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng theo chuẩn kỹ năng chuyên nghiệp MTA (Microsoft Technology Associate) của Microsoft.

### **29, Hành vi khách hàng [BMKT3811] (3 tín chỉ)**

Học phần Hành vi khách hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này cũng cấp các nội dung liên quan đến việc xác định nội dung cơ bản về Hành vi khách hàng, phân tích được các yếu tố liên quan đến hành vi khách hàng, sinh viên trên cơ sở đó có thể vận dụng để phục vụ cho việc phân tích yêu cầu của khách hàng, phân tích các nghiệp vụ và hỗ trợ trong quá trình tư vấn, triển khai và vận hành các hệ thống thông tin trong tổ chức.

### **30, Đảm bảo chất lượng phần mềm \* [HP mới] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)**

Học phần Đảm bảo chất lượng phần mềm là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Đảm bảo chất lượng phần mềm (Software Quality Assurance-SQA) là hết sức quan trọng trong quá trình phát triển phần mềm. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chất lượng phần mềm, đảm bảo chất lượng trong một dự án phát triển phần mềm, qui trình xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng phần mềm, ... Từ đó, người học có thể hiểu được cách thức xây dựng một hệ thống đảm bảo chất lượng phần mềm và vai trò của những thành viên trong hệ thống. Một số chuẩn đảm bảo chất lượng cũng được giới thiệu trong học phần và cập nhật theo các bộ tiêu chuẩn mới nhất.

### **31, Truyền thông kinh doanh [ECIT0121] (2 tín chỉ)**

Học phần Truyền thông kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Học phần cung cấp các phương pháp và kỹ thuật trong truyền thông kinh doanh bao gồm: Các quy trình chia sẻ thông tin, các kênh truyền thông nội bộ và bên ngoài, cách thức và công cụ hỗ trợ trong: Trình bày các lựa chọn, các ý tưởng, lập kế hoạch và đề xuất, thực thi các giải pháp, phương pháp đàm phán, gửi và hoàn thành các yêu cầu với đối tác, cách thức trình diễn, mô phỏng và viết bài

trình bày.

### **32, Khai phá dữ liệu trong kinh doanh [INFO2111] (2 tín chỉ)**

Học phần Khai phá dữ liệu trong kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản của quá trình khai phá dữ liệu với các công cụ khai phá BI (Business Intelligence) của SQL server. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức về quy trình khai phá dữ liệu nói chung, các bước để tiến hành việc làm sạch dữ liệu, sử dụng công cụ để tìm kiếm và rút trích các thông tin có ích từ kho dữ liệu để phục vụ các mục đích khác nhau trong lĩnh vực kinh doanh.

### **33, Đồ họa ứng dụng \* [INFO 3021] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)**

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin kinh tế thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý. Học phần cung cấp các kỹ năng thực hành cơ bản và nâng cao của một số phần mềm xử lý ảnh như Photoshop, Corel Draw, ... được áp dụng để thiết kế các sản phẩm đồ họa, thiết kế giao diện cho các ứng dụng trong các dự án công nghệ thông tin của các doanh nghiệp, tổ chức như: logo sản phẩm, hàng hóa; mẫu thời trang, quảng cáo; trang bìa; truyện tranh; sách, và tạp chí.

## **IV. KIẾN THỨC BỔ TRỢ**

### **34, Nguyên lý kế toán [FACC0111] (3 tín chỉ)**

Học phần Nguyên lý kế toán trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán, làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các loại kế toán cụ thể. Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng học tập, nghiên cứu các loại kế toán cụ thể và có thể áp dụng các phương pháp kế toán vào thực tiễn.

### **35, Khởi sự kinh doanh [CEMG3111] (2 tín chỉ)**

Học phần Khởi sự kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể lựa chọn khởi sự kinh doanh và thực hiện khởi sự kinh doanh ở quy mô nhỏ. Học phần bao gồm các nội dung Nhận thức về kinh doanh và khởi sự kinh doanh; Đánh giá sự phù hợp của bản thân với lựa chọn khởi nghiệp; Tìm kiếm và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; Lập kế hoạch kinh doanh; Khởi sự và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

## **V. BÁO CÁO THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP**

### **36, Thực tập nghề nghiệp (3 tín chỉ)**

Báo cáo thực tập tổng hợp là bài thu hoạch những kiến thức mà sinh viên học được, thấy được tại các loại hình doanh nghiệp/tổ chức (đơn vị thực tập) theo hướng dẫn của khoa. Tại đơn vị thực tập, sinh viên phải vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị theo ngành vào tìm

hiểu và tiếp tục học từ thực tiễn hoạt động, kinh doanh của đơn vị thực tập theo lĩnh vực cụ thể của chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia vào một số công việc tại bộ phận thực tập theo phân công của đơn vị tiếp nhận thực tập để rèn luyện thực tế và tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo ở đơn vị thực tập, phát triển khả năng phát hiện vấn đề từ thực tế kinh doanh của đơn vị thực tập để đề xuất hướng khóa luận tốt nghiệp ở giai đoạn 2 của đợt thực tập và làm tốt nghiệp. Kết thúc đợt thực tập tổng hợp, sinh viên phải viết Báo cáo thực tập tổng hợp (theo mẫu quy định), trong đó sinh viên phải phát hiện, đề xuất được từ 2 - 3 vấn đề cần nghiên cứu làm đề tài khóa luận tốt nghiệp. Những vấn đề đặt ra có tính thời sự cấp thiết cần giải quyết tại nơi thực tập và phải phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo của sinh viên. Báo cáo thực tập tổng hợp được trình bày trong khoảng từ 12 - 15 trang đánh máy khổ A4 tiêu chuẩn và có dấu xác nhận của đơn vị thực tập. Báo cáo thực tập tổng hợp được tính là một học phần 3 tín chỉ.

### **37, Khóa luận nghiệp khóa học (7 tín chỉ)**

Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu về một đề tài cụ thể của sinh viên, sau khi đã đạt Báo cáo thực tập tổng hợp và điều kiện khác theo quy định của Nhà trường. Trong thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp, sinh viên tiếp tục thực tập tại các loại hình doanh nghiệp/tổ chức đã thực tập tổng hợp để hoàn thành khóa luận theo quy định của khoa. Khóa luận tốt nghiệp được trình bày trong khoảng từ 35-45 trang đánh máy khổ A4 tiêu chuẩn (không bao gồm phụ lục). Khóa luận tốt nghiệp của chương trình đào tạo ngành HTTTQL, chuyên ngành QTHTTT theo định hướng nghề nghiệp nhằm giúp sinh viên tiếp cận, tìm hiểu hoạt động thực tiễn, giúp tăng cường và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị. Kết thúc đợt thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải nộp các sản phẩm như: Đề cương chi tiết có phê duyệt của giảng viên hướng dẫn; Bản thảo nội dung khóa luận có bút tích sửa chữa của giảng viên hướng dẫn (được kẹp hoặc đóng lại thành 1 tập theo quy định của khoa quản lý); và 2 bản khóa luận chính thức được đóng theo quy định của khoa. Sinh viên tập hợp các sản phẩm trên vào 1 túi đựng, có ghi rõ Họ và Tên, mã sinh viên, giảng viên hướng dẫn và nộp cho bộ môn quản lý theo thời gian quy định. Khóa luận tốt nghiệp được tính là một học phần 7 tín chỉ.

## **VI. CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN**

### **1, Xã hội học đại cương [RLCP0421] (2 tín chỉ)**

Học phần Xã hội học đại cương giới thiệu: Những kiến thức cơ bản về xã hội (dưới góc độ Xã hội học) như: Hành động xã hội, tương tác xã hội và quan hệ xã hội; Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và thiết chế xã hội; Bất bình đẳng xã hội; Các nội dung về xã hội hóa; Các vấn đề về biến đổi xã hội. Đồng thời trong học phần cũng đề cập nghiên cứu một số nội dung của các lĩnh vực xã hội học chuyên biệt, như: Xã hội học giáo dục, Xã hội học nông thôn, Xã hội học đô thị, Xã hội

học quản lý.

## **2, Kinh tế thương mại đại cương [TECO0111] (2 tín chỉ)**

Học phần Kinh tế thương mại đại cương cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như: bản chất kinh tế, chức năng và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề kinh tế cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại.

## **3, Kinh tế môi trường [FECO1521] (2 tín chỉ)**

Học phần Kinh tế môi trường cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

## **4, Lập trình hướng đối tượng [INFO1931] (2 tín chỉ)**

Học phần Lập trình hướng đối tượng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Để học được học phần này sinh viên nên (không bắt buộc) học trước học phần cơ sở lập trình. Học phần bao gồm tổng quan về lập trình hướng đối tượng, so sánh với lập trình truyền thống (hướng cấu trúc). Đồng thời học phần còn bao gồm các khái niệm cơ bản về lập trình hướng đối tượng như: lớp, đối tượng, phương thức, kế thừa, ... cách khai báo, sử dụng chúng trong ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng Java

## **5, Kỹ thuật sử dụng SQL Server [INFO1931] (2 tín chỉ)**

Học phần Kỹ thuật sử dụng SQL Server là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành. Sinh viên nên (không bắt buộc) học học phần cơ sở dữ liệu trước khi học môn học này. Học phần bao gồm các kiến thức về cách tổ chức, xây dựng và khai thác CSDL cụ thể như: tạo CSDL, cập nhật, truy vấn CSDL, tạo trigger, store procedure để khai thác và quản lý CSDL.

## **6, Văn hóa kinh doanh [BMGM1221] (2 tín chỉ)**

Học phần Văn hóa kinh doanh bao gồm những nội dung cơ bản sau: tổng quan về văn hóa kinh doanh và các yếu tố cấu thành; đề cập đến một số đặc trưng cần quan tâm của văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số nước trên thế giới; phân tích sâu hai trong số các yếu tố cấu thành nên

văn hóa kinh doanh đó là văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp; nội dung và nhân tố ảnh hưởng đến xây dựng và phát triển văn hóa kinh doanh.

### **7, Lý thuyết xác suất và thống kê toán [AMAT0111] (3 tín chỉ)**

Học phần Lý thuyết xác suất và thống kê toán được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc, nhưng liên quan chặt chẽ về nội dung. Phần Lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Phần Thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học. Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

### **8, Quản trị tài chính [FMGM 0231] (3 tín chỉ)**

Học phần Quản trị tài chính cung cấp cho sinh viên những kiến thức, các quan niệm quản trị tài chính bao gồm: Tổng quan về quản trị tài chính, giá trị thời gian của tiền, phân tích báo cáo tài chính, quản trị vốn lưu động, quản trị đầu tư dài hạn, quản trị tài trợ, chi phí và sử dụng vốn.

### **9, Quản trị Thương mại điện tử 1 [ECOM2011] (3 tín chỉ)**

Học phần Quản trị Thương mại điện tử 1 cung cấp những kiến thức chuyên sâu về bán lẻ điện tử, bao gồm: Khái niệm bán lẻ điện tử, lợi ích và những khó khăn bán lẻ điện tử, các mô hình bán lẻ điện tử, xây dựng kế hoạch mặt hàng trong bán lẻ điện tử, quản lý và vận hành website bán lẻ điện tử, tổ chức bán qua mạng xã hội, thực hiện đơn hàng điện tử, xử lý các vấn đề sau bán lẻ điện tử, quản trị quan hệ khách hàng trong bán lẻ điện tử.

### **10, Chuyển đổi số trong doanh nghiệp [HP mới] (2 tín chỉ)**

Học phần Chuyển đổi số trong doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khái niệm chuyển đổi số, quy trình và các khía cạnh trong quá trình chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung về: Chuyển đổi số, đề án chuyển đổi số quốc gia, quy trình chuyển đổi số trong tổ chức, các vấn đề gặp phải trong quá trình chuyển đổi số, lựa chọn và những lưu ý trong quá trình chuyển đổi số.

### **11, Các công cụ trực quan hóa dữ liệu \* [HP mới] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)**

Học phần Các công cụ trực quan hóa dữ liệu (Data visualization) cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng trong trực quan hóa dữ liệu thành các dạng đồ họa như là đồ thị, biểu đồ hay sử dụng các phương pháp, công cụ khác nhau để trực quan hóa và minh họa dữ liệu được tốt nhất. Người học được trang bị các kiến thức để biến các nguồn dữ liệu thành những thông tin được thể hiện một cách trực quan, dễ quan sát, dễ hiểu, để truyền đạt rõ ràng những hiểu biết đầy đủ từ dữ liệu đến người dùng.

## **12, Triển khai Hệ thống thông tin \* [HP mới] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)**

Học phần Triển khai hệ thống thông tin cung cấp các kiến thức và kỹ năng cho người học để triển khai được một hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước. Học phần bao gồm các nội dung: Giới thiệu và trình bày quy trình chung để triển khai một hệ thống thông tin bao gồm: Lựa chọn thời điểm, lập kế hoạch nhân sự, lựa chọn đối tác, truyền thông, thống nhất quy trình, các chức năng, cách thức chuyển đổi cơ sở dữ liệu, tiến hành cài đặt, tối ưu trải nghiệm người dùng trên hệ thống, khai thác và bảo trì.

## **13, Thực hành kiểm thử phần mềm thủ công \* [HP mới] (2 tín chỉ - Doanh nghiệp)**

Học phần Thực hành kiểm thử phần mềm thủ công cung cấp các kiến thức, kỹ năng thực tiễn dựa trên một số công cụ trong quá trình phân tích, thiết kế và thực hiện các quy trình kiểm thử phần mềm thủ công. Học phần bao gồm các nội dung: Giới thiệu và trình bày quy trình chung để kiểm thử thủ công, một số công cụ hỗ trợ thiết kế và xây dựng ca kiểm thử thủ công, cách triển khai và thực hiện mô đun kiểm thử thủ công bao gồm: Xây dựng ca kiểm thử, thực hiện kiểm thử, đánh giá quá trình kiểm thử, viết tài liệu kiểm thử

## **14, Thực hành kiểm thử phần mềm tự động \* [HP mới] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)**

Học phần Thực hành kiểm thử phần mềm tự động cung cấp các kiến thức, kỹ năng thực tiễn dựa trên một số công cụ trong quá trình phân tích, thiết kế và thực hiện các quy trình kiểm thử phần mềm tự động. Học phần bao gồm các nội dung: Giới thiệu và trình bày quy trình chung để kiểm thử tự động, một số công cụ hỗ trợ thiết kế và xây dựng ca kiểm thử tự động, cách triển khai và thực hiện mô đun kiểm thử tự động bao gồm: Xây dựng ca kiểm thử, thực hiện kiểm thử, đánh giá quá trình kiểm thử, viết tài liệu kiểm thử

## **15, An toàn và bảo mật thông tin [ECIT0921] (3 tín chỉ)**

Học phần An toàn và bảo mật thông tin thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng lựa chọn các giải pháp đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho hệ thống thông tin của doanh nghiệp. Học phần giới thiệu các khái niệm liên quan đến an toàn và bảo mật thông tin trong doanh nghiệp, đi sâu vào các hình thức tấn công, các phương pháp phòng tránh, một số cách thức phục hồi sự cố khi hệ thống thông tin của doanh nghiệp gặp rủi ro. Ngoài ra, học phần cũng đưa ra quy trình nhằm đánh giá rủi ro của hệ thống thông tin doanh nghiệp và một số ứng dụng để nâng cao độ an toàn, tính bảo mật cho các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp

## **16, Thực hành công cụ quản trị dự án \* [HP mới] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)**

Học phần Thực hành công cụ quản trị dự án cung cấp các kiến thức, kỹ năng thực tiễn dựa trên một số công cụ trong quản trị dự án công nghệ thông tin cho các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước. Học phần bao gồm các nội dung: Giới thiệu và trình bày quy trình chung quản trị dự án, cách tổ chức, lập kế hoạch, lựa chọn công cụ, phân tích tính khả thi và đánh giá các khía



ạnh trong dự án dựa trên một số công cụ hiện đại, cập nhật

### **17, Thực hành thiết kế mô phỏng hệ thống với Axure \* [HP mới] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)**

Học phần Thực hành thiết kế mô phỏng hệ thống với Axure cung cấp các kiến thức, kỹ năng thực tiễn để thiết kế mô phỏng hệ thống. Axure là một công cụ phần mềm tạo sơ đồ trang (Wireframe) để biểu thị thông tin về kiến trúc, nội dung hay bố cục hoặc mô phỏng tác động giao diện người dùng bằng nguyên mẫu (prototype) một cách nhanh chóng với các tài liệu và đặc tả nhằm vào các ứng dụng web, di động và máy tính để bàn. Học phần cung cấp kỹ năng mô phỏng và tạo các sơ đồ trang, mockup, prototype, ... cho quá trình phân tích nghiệp vụ, phân tích thiết kế hệ thống thông tin

### **18, Thực hành Quản trị cơ sở dữ liệu \* [INFO5041] (3 tín chỉ - Doanh nghiệp)**

Học phần thực hành nhằm cung cấp cho sinh viên kỹ năng về quản trị CSDL ứng dụng trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server hoặc Oracle. Bao gồm các kỹ năng tổ chức, xây dựng, quản lý, khai thác CSDL dựa trên các chức năng mà hệ quản trị CSDL cung cấp. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kỹ năng như đồng bộ dữ liệu, phân quyền người dùng, sao lưu dự phòng và đảm bảo an toàn CSDL một cách hiệu quả. Học phần sẽ giúp sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng theo chuẩn kỹ năng chuyên nghiệp MTA (Microsoft Technology Associate) của Microsoft.

### **19, Chính phủ điện tử [eCOM2121] (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, bao gồm: những vấn đề chung về chính phủ điện tử, công nghệ chính phủ điện tử, các ứng dụng chính của chính phủ điện tử trong quản lý Nhà nước, cung ứng các dịch vụ công và mua sắm công, xây dựng, triển khai chính phủ điện tử và một số vấn đề khác trong chính phủ điện tử.

### **20, Quản trị rủi ro [BMGM0411] (2 tín chỉ)**

Học phần Quản trị rủi ro cung cấp khái niệm, các đặc trưng và phân loại rủi ro. Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro. Cung cấp các kiến thức về nhận dạng và phân tích rủi ro, kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong nhận dạng và phân tích rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp.

### **21, Quản trị chiến lược [SMGM 0111] (3 tín chỉ)**

Học phần QTCL là học phần ngành cơ sở của ngành QTKD; bao gồm những kiến thức căn bản về những nguyên lý QTCL và sự vận dụng thực tiễn trong DN của nó như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và QTCL, các giai đoạn phát triển của QTCL, mô hình nguyên lý QTCL của DN với mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược; tổ chức thực thi chiến lược; đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của DN dưới những điều kiện môi trường, thị trường

và nguồn nhân lực xác định của DN.

## 22, Thanh toán điện tử [PCOM0411] (3 tín chỉ)

Học phần Thanh toán điện tử là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành HTTTQL. Học phần cung cấp các kiến thức cho sinh viên về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong TMĐT.

## 23, Quản trị thương hiệu 1 [BRMG2011] (3 tín chỉ)

Học phần Quản trị thương hiệu 1 cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

## 24, Quản trị nhân lực căn bản [CEMG0111] (3 tín chỉ)

Học phần Quản trị nhân lực căn bản bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

## 8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	9 – 11 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	2 - 3 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>11- 14 TC</b>
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	6 - 8 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	5 – 7 TC
		GDTC	3 TC

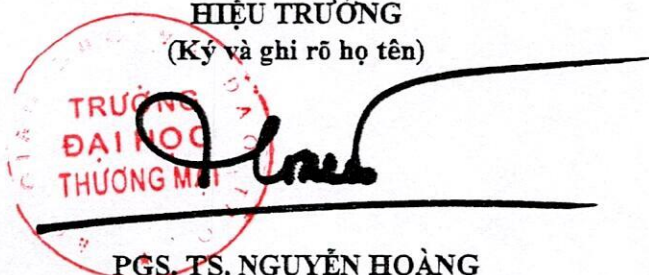
TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>15 - 18 TC</b>
<b>3</b>	<b>KỲ HÈ NĂM NHẤT</b>	<b>GD QP&amp;AN</b>	<b>08 TC</b>
4	KỲ III	Khối kiến thức GDĐC	2 - 4 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11-12 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16-17 TC</b>
5	KỲ IV	Khối kiến thức GDĐC	6 - 8 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	3- 6 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	3 - 6 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>18 - 20 TC</b>
<b>6</b>	<b>KỲ HÈ NĂM HAI</b>	<b>Học tại doanh nghiệp</b>	<b>06 TC</b>
7	KỲ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	2 - 4 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	15 - 17 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>18 - 21 TC</b>
8	KỲ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	3 - 6 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	8 - 10 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	3 - 5 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>15 - 21 TC</b>
<b>9</b>	<b>KỲ HÈ NĂM BA</b>	<b>Học tại doanh nghiệp</b>	<b>15 TC</b>
10	KỲ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	13-15 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16-18TC</b>
11	KỲ VIII	<b>Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học</b>	<b>10TC</b>
12		<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>131TC</b>

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

*Lưu ý: Đóng kèm toàn bộ đề cương (mẫu số 4) các học phần trong CTĐT*

**HIỆU TRƯỞNG**

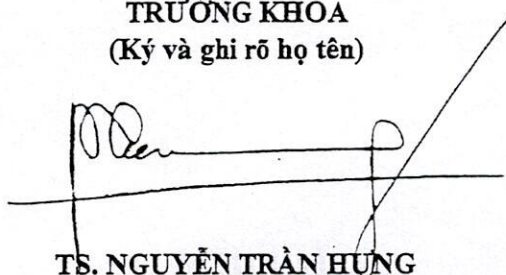
(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS. TS. NGUYỄN HOÀNG

**TRƯỞNG KHOA**

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. NGUYỄN TRẦN HƯNG